

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 95/2026/KDTM-PT

Ngày: 16/3/2026

V/v Tranh chấp hợp đồng
phân phối hàng hóa

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Thanh Nhân

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Ngọc Quyên

Bà Lưu Thị Đoan Trang

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Ngọc Hân

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Hồng Long – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 10 và ngày 16 tháng 03 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án về kinh doanh thương mại thụ lý số: 03/2026/TLPT-KDTM ngày 05 tháng 01 năm 2026 về “Tranh chấp hợp đồng phân phối hàng hóa”.

Do Bản án sơ thẩm số 154/2025/KDTM-ST ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 9, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 523/2026/QĐXX-PT ngày 22 tháng 01 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 2152/2026/QĐ-PT ngày 10 tháng 02 năm 2026 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 3093/2026/QĐ-PT ngày 10 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty P; Địa chỉ: Lô J1-J2, Khu công nghiệp TL, xã TL, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Nhật T, sinh năm 1988; Địa chỉ: L4-17.13 VCP, 720A đường Đ, phường Đ1, Thành phố Hồ Chí Minh - *Có mặt*

Bị đơn: Công ty Cổ phần Điện máy VTP; Địa chỉ: số 253, đường G, phường G1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Huỳnh Thị Kiều O, sinh năm 1983; địa chỉ: C2.01, Khối C, số 36, đường A, phường A1, Thành phố Hồ Chí Minh - *Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt;*

Người kháng cáo: Công ty Cổ phần Điện máy VTP.

Người kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 25/4/2023; đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện ngày 13/6/2023; các Bản tự khai và tài liệu chứng cứ nộp cho Tòa án cùng với ý kiến tại các Biên bản trong quá trình giải quyết vụ án do Tòa án lập; nguyên đơn Công ty P trình bày:

Ngày 01/05/2018, Công ty P (sau đây gọi tắt là P) ký Hợp đồng phân phối số FY1820-PSVHCM-VTP với Công ty Cổ phần Điện Máy VTP (sau đây gọi tắt là VTP); hai bên thỏa thuận: P chỉ định VTP làm nhà phân phối theo uỷ quyền nhưng không độc quyền thực hiện việc tiếp thị và bán sản phẩm của P tại Việt Nam từ ngày 01/5/2018 đến hết ngày 31/3/2021.

VTP có 02 (hai) hình thức bán như sau:

Thứ nhất là bán lại cho bên thứ ba như người tiêu dùng hoặc đại lý cấp dưới của VTP. Theo đó, P phân phối cho VTP với mức giá áp dụng là mức giá thông thường có thuế GTGT (gọi là “giá hoá đơn”) được P đưa ra tùy từng thời điểm và thông báo trước với VTP.

Thứ hai là chào thầu vào các dự án, cụ thể: Căn cứ thông tin của từng dự án do VTP cung cấp, P cân nhắc và quyết định mức giá áp dụng cho từng sản phẩm được chào thầu vào dự án và hình thức P sẽ hỗ trợ cho VTP. Các bên xác nhận đơn đặt hàng với giá hoá đơn, P sẽ thực hiện việc giao hàng. Sau đó, P sẽ thanh toán khoản hỗ trợ cho VTP.

Trong cả 02 (hai) trường hợp nêu trên, VTP đều phải thanh toán cho P với giá hoá đơn; sau khi nhận được thanh toán, P sẽ gửi lại khoản tiền hỗ trợ (nếu có) dựa trên chứng từ chứng minh hợp lệ do VTP cung cấp.

Hình thức thanh toán, gồm có:

Hình thức 1 là chuyển khoản trước khi đơn đặt hàng được P xác nhận;

Hình thức 2 là tín dụng; trong đó: P có quyền điều chỉnh hạn mức tín dụng bất cứ lúc nào nếu thấy cần thiết, trong trường hợp vượt quá hạn mức tín dụng, tất cả các khoản thanh toán đơn hàng khác phải được thực hiện bằng hình thức 1.

Thực tế, quá trình thực hiện Hợp Đồng, VTP thanh toán hoàn toàn bằng hình thức 2.

Biên bản đối chiếu công nợ được P gửi đến VTP hàng tháng qua đường bưu điện.

Quá trình thực hiện Hợp Đồng, từ ngày 27/8/2019 đến ngày 19/09/2019, căn cứ 15 đơn đặt hàng được các bên xác nhận, P đã giao tổng cộng 20 phiếu giao hàng và xuất 27 hoá đơn cho VTP, tổng giá trị (đã bao gồm thuế GTGT) là 6.997.808.685 đồng.

Sau khi cân trừ 30.757.761 đồng, bao gồm: 1.857.452 đồng VTP thanh toán dư trong đợt thanh toán trước và 28.900.309 đồng chiết khấu bán hàng theo hoá đơn ký hiệu SD/19E số 0001198 thì VTP còn nợ lại của P là 6.967.050.924 đồng; VTP chưa thanh toán bất kỳ phần nào của số tiền này.

Từ ngày 25/11/2019 đến ngày 18/01/2020, P đã nhiều lần gửi thư điện tử (email) đề nghị VTP thanh toán công nợ nhưng VTP không thực hiện.

Ngày 03/3/2023, đại diện P có Công văn số 2023/01/CV/VTP gửi qua đường bưu điện vào ngày 04/3/2023 cho VTP đề xuất cuộc họp giải quyết tranh chấp với tinh thần thiện chí nhưng VTP không phản hồi.

Nay, P khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết:

1. Buộc VTP thanh toán cho P tiền nợ theo Hợp đồng phân phối số FY1820-PSVHCM-Van Thinh Phat là 6.967.050.924 đồng.

2. Buộc VTP thanh toán cho P tiền lãi chậm trả theo mức lãi suất 17%/năm trên số dư nợ gốc tính từ ngày 20/10/2019 cho đến ngày xét xử vụ án.

Tổng số tiền nợ và lãi VTP có nghĩa vụ thanh toán cho P là 13.169.886.032 đồng; yêu cầu VTP thanh toán làm một lần ngay khi bản án của Toà án có hiệu lực pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, tại Văn bản số 202408.01/JSC.VTP-PSV ngày 06/8/2024 nộp cho Tòa án, bị đơn VTP trình bày:

Về thời hiệu khởi kiện: từ tháng 5/2018, P và VTP bắt đầu phát sinh các giao dịch phân phối điều hoà không khí hiệu P, bao gồm giao nhận hàng hoá, VTP thanh toán tiền hàng, P thanh toán chiết khấu (chênh lệch giữa giá trên Hoá đơn GTGT do P phát hành với giá thực tế thoả thuận giao dịch), các thoả thuận liên quan đến hoạt động marketing, mua bán hàng hoá đặc thù khác (hàng có những lỗi nào đó, mô hình sản phẩm...)

Từ tháng 9/2018 đến tháng 10/2019, VTP đã thanh toán cho P số tiền 75.857.407.876 đồng.

Từ tháng 10/2019, P đã đơn phương dừng việc thanh toán trả chênh lệch giữa giá trên hoá đơn GTGT với giá thực tế thoả thuận vì cho rằng VTP vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên P đơn phương chấm dứt giao dịch với VTP và đơn phương chấm dứt hợp đồng từ thời điểm đó. Thời điểm phát sinh tranh chấp đến nay, VTP không phát hành bất kỳ văn bản xác nhận nào liên quan đến công nợ hay tranh chấp trên đến P. Do đó, đề nghị Toà án xem xét thời hiệu khởi kiện theo quy định pháp luật.

Về nội dung tranh chấp:

- Về giá hàng hoá để tính công nợ: giá hàng hoá trên hoá đơn GTGT do P phát hành luôn cao hơn nhiều so với giá bán buôn trên thị trường và cao hơn giá sỉ mà P đề nghị các nhà phân phối bán ra; do đó, căn cứ vào giá trên hoá đơn GTGT, P sẽ thanh toán các loại chiết khấu cho nhà phân phối cho nên giá trên hoá đơn GTGT không phải là căn cứ để tính công nợ thực tế phát sinh giữa hai bên.

- Về số lượng hàng hoá mà P đã giao và số dư công nợ: hoá đơn GTGT là do đơn vị bán ra phát hành, số lượng hàng hoá thể hiện trên hoá đơn có thể bằng hoặc không bằng với số lượng hàng hoá thực giao nhận, do đó VTP đã đề nghị P cung cấp các tài liệu thể hiện số hàng đã giao cho VTP để đối chiếu với số liệu hàng thực nhận nhưng P từ chối thực hiện. VTP đã thanh toán vượt số dư công nợ thực tế phải trả cho P.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Buộc VTP thanh toán cho P tiền nợ theo Hợp đồng phân phối số FY1820-PSVHCM-VTP đối với 27 hoá đơn từ ngày 27/8/2019 đến ngày 19/09/2019 là 6.967.050.924 đồng.

2. Buộc VTP thanh toán cho P tiền lãi chậm trả theo mức lãi suất 15,09%/năm (tương đương 1.2575%/tháng) trên số dư nợ gốc tính từ ngày 05/11/2019 cho đến ngày xét xử vụ án 29/9/2025 là 6.202.835.108,13 đồng, làm tròn là 6.202.835.108 đồng.

Yêu cầu thanh toán làm một lần ngay khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do.

Tại Bản án sơ thẩm số 154/2025/KDTM-ST ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 9, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty P

Buộc Công ty Cổ phần Điện máy VTP trả cho Công ty P số tiền 13.169.886.032 (mười ba tỷ một trăm sáu mươi chín triệu tám trăm tám mươi sáu nghìn không trăm ba mươi hai) đồng, bao gồm: 6.967.050.924 đồng tiền nợ mua hàng và tiền lãi là 6.202.835.108 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử nếu Công ty Cổ phần Điện máy VTP chưa thanh toán khoản tiền nợ thì Công ty Cổ phần Điện máy VTP còn phải chịu thêm tiền lãi phát sinh theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian và khoản tiền chưa thi hành án.

Ngoài ra bản án còn tuyên về nghĩa vụ thi hành án, nghĩa vụ chịu án phí, quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án của đương sự.

Ngày 27/10/2025, bị đơn Công ty Cổ phần điện máy VTP nộp đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với lý do không đồng ý với nhận định và nội dung quyết định của bản án sơ thẩm, Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng các nguyên tắc trong đánh giá chứng cứ và các quy định về tố tụng ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại thời hiệu khởi kiện theo quy định của pháp luật và xem xét lại toàn bộ quyết định của bản án sơ thẩm.

Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9, Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định kháng nghị số 01/QĐKNPT-VKS-KDTM ngày 14 tháng 10 năm 2025 đối với toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án do đã hết thời hiệu khởi kiện.

** Tại phiên tòa Phúc thẩm:*

- Bị đơn Công ty Cổ phần điện máy VTP đơn xin xét xử vắng mặt và trình bày: Công ty Cổ phần điện máy VTP vẫn giữ nguyên nội dung đã trình bày trong đơn kháng cáo và bổ sung ý kiến kháng cáo như sau:

+ Từ thời điểm phát sinh tranh chấp vào tháng 10/2019 đến khi Tòa án nhân dân quận Bình Tân (nay là Tòa án nhân dân khu vực 9, Thành phố Hồ Chí Minh) thụ lý vụ án vào tháng 6/2023 thì bị đơn không có bất kỳ văn bản xác nhận nào liên quan đến tranh chấp. Nguyên đơn có lời trình bày “tháng 10 năm 2023 dịch vụ bưu chính có giao biên bản đối chiếu công nợ cho nguyên đơn, nhưng do tranh chấp đang được Tòa án giải quyết nên nguyên đơn đã từ chối nhận cho nên không có tài liệu này để giao nộp cho Tòa án” nhưng nguyên đơn không có chứng cứ chứng minh cho lời trình bày này. Tại cấp sơ thẩm bị đơn đã có văn bản khiếu nại về thời hiệu khởi kiện nên đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét thời hiệu khởi kiện theo quy định của pháp luật.

+ Tại cấp sơ thẩm, bị đơn có nộp đơn khiếu nại về thời hiệu khởi kiện nhưng không được Tòa án xem xét giải quyết khiếu nại về thời hiệu khởi kiện, khiếu nại về việc thụ lý vụ án là chưa phù hợp các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung vụ án: từ 27/8/2019 đến 30/9/2019 bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn bằng phương thức thanh toán chuyển khoản qua Ngân hàng với tổng số tiền là 6.364.396.104 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm xác định còn thời hiệu khởi kiện nhưng không xem xét đến số tiền bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn là không đảm bảo tính có căn cứ, khách quan và toàn diện trong quá trình giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trình bày kháng nghị: Giữ nguyên nội dung tại Quyết định kháng nghị số 01/QĐKNPT-VKS-KDTM ngày 14 tháng 10 năm 2025 đối với toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết do đã hết thời hiệu khởi kiện với những lý do như sau:

- Về thời hiệu khởi kiện: Căn cứ vào các đơn đặt hàng, thời hạn thanh toán trong vòng 30 ngày kể từ ngày đặt hàng, ngày đến hạn thanh toán cuối cùng của các đơn đặt hàng trên là ngày 19/10/2019. Như vậy, kể từ ngày 20/10/2019, Công ty P đã bị vi phạm về việc thanh toán, kể từ ngày bị vi phạm cho đến khi nguyên đơn nộp đơn khởi kiện vào ngày 27/4/2023, hai bên không có bất kỳ thỏa thuận nào liên quan đến việc thực hiện hợp đồng này. Do vậy, tính đến ngày nguyên đơn khởi kiện là đã quá hai năm nên đã hết thời hiệu khởi kiện. Ngoài ra, Bị đơn có đơn yêu cầu áp dụng thời hiệu trong quá trình Tòa án chuẩn bị xét xử. Vì vậy, căn cứ quy định tại điểm e khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc trường hợp phải đình chỉ giải quyết.

Người đại diện hợp pháp của Công ty P trình bày ý kiến về kháng cáo và kháng nghị như sau: Những nội dung kháng cáo của bị đơn và kháng nghị của Viện kiểm sát đã được cấp sơ thẩm xem xét và giải quyết đúng quy định. Nguyên đơn giữ nguyên nội dung trình bày và yêu cầu khởi kiện, đề nghị cấp phúc thẩm bác kháng cáo, bác kháng nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự của những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Việc chấp hành pháp luật tố tụng: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa phúc thẩm.

Về nội dung: Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát khu vực 9, Thành phố Hồ Chí Minh và kháng cáo của Công ty VTP còn trong thời hạn kháng cáo, kháng nghị, có hình thức đúng quy định. Nội dung nêu tại kháng cáo và kháng nghị là có cơ sở, nên đề nghị cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của Công ty VTP và chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, nội dung trình bày của các đương sự tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết vụ án đúng theo thẩm quyền, xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là đúng theo quy định của Pháp luật Tố tụng.

[2] Đơn kháng cáo của Công ty VTP là bị đơn và Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9, Thành phố Hồ Chí Minh còn trong thời hạn kháng cáo và thời hạn kháng nghị, có hình thức và nội dung đúng quy định nên được chấp nhận.

[3] Xét việc vắng mặt của người kháng cáo tại phiên tòa phúc thẩm: Người đại diện hợp pháp của Công ty VTP có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt Công ty VTP.

[4] Xét kháng cáo của bị đơn Công ty VTP và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9, Thành phố Hồ Chí Minh yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đã hết thời hiệu khởi kiện, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[5] Theo đơn khởi kiện đề ngày 25/4/2023, được Tòa án nhân dân quận Bình Tân nhận ngày 27/4/2023 thì Công ty P khởi kiện Công ty VTP, yêu cầu Công ty VTP trả số tiền 6.997.808.685 đồng chưa thanh toán trong thời gian thực hiện hợp đồng phân phối số FY1820-PSVHCM-Van Thịnh Phát và tiền lãi chậm thực hiện nghĩa vụ trên số tiền nợ gốc từ ngày 20/10/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm.

[6] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có cơ sở xác

định ngày 01/5/2018, Công ty P và Công ty VTP ký Hợp đồng phân phối số FY1820-PSVHCM-VTP với nội dung Công ty P chỉ định Công ty VTP làm nhà phân phối theo ủy quyền thực hiện việc tiếp thị và bán sản phẩm của Công ty P tại Việt Nam. Thời gian thực hiện hợp đồng từ ngày 01/5/2018 đến hết ngày 31/3/2021. Từ ngày 27/8/2019 đến ngày 19/09/2019 VTP đã đặt mua và được P giao hàng là máy điều hòa không khí và phụ kiện thiết bị, tổng giá trị các đơn hàng VTP đã đặt và được P giao trong khoảng thời gian này theo 27 hoá đơn GTGT P xuất cho VTP là 6.997.808.685 đồng.

[7] Trong giai đoạn tố tụng tại cấp sơ thẩm, ngày 06/9/2024, Công ty VTP có văn bản đề nghị Tòa án nhân dân quận Bình Tân xem xét thời hiệu khởi kiện là thuộc trường hợp quy định của khoản 2 Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự nên được xem xét.

[8] Xét, quan hệ tranh chấp giữa Công ty P và Công ty VTP là tranh chấp phát sinh từ Hợp đồng phân phối hàng hóa, bản chất là quan hệ mua bán hàng hóa giữa các pháp nhân có đăng ký kinh doanh và có mục đích lợi nhuận nên thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Thương mại 2005. Căn cứ Điều 319 Luật Thương mại quy định: *“Thời hiệu khởi kiện áp dụng đối với các tranh chấp thương mại là hai năm, kể từ thời điểm quyền và lợi ích hợp pháp bị xâm phạm, trừ trường hợp quy định tại điểm e khoản 1 Điều 237 của Luật này”*. Thời điểm bắt đầu thời hiệu khởi kiện được quy định tại khoản 1 Điều 154 Bộ luật Dân sự như sau: *“1. Thời hiệu khởi kiện vụ án dân sự được tính từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền, lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.”*

[9] Nguyên đơn xác định từ ngày 25/11/2019 đến ngày 18/01/2020, Công ty P nhiều lần gửi thư điện tử (email) đề nghị Công ty VTP thanh toán tiền nợ nhưng Công ty VTP không trả tiền và cũng không có phản hồi về tiền nợ, đến tháng 10/2023 Công ty VTP đã gửi cho Công ty P biên bản đối chiếu công nợ. Tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án Công ty P không cung cấp được biên bản đối chiếu công nợ này và cũng không được Công ty VTP thừa nhận nên không có cơ sở xác định các bên có đối chiếu công nợ vào tháng 10/2023. Do đó, để xác định thời hiệu khởi kiện của vụ án này cần xác định thời điểm Công ty P bị xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp là thời điểm Công ty VTP vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận.

[10] Theo trình bày của nguyên đơn, Hợp đồng giữa các bên quy định hai phương thức thanh toán gồm: (i) thanh toán trước khi giao hàng và (ii) thanh toán theo hạn mức tín dụng (giao hàng trước, thanh toán sau trong thời hạn nhất định). Tuy nhiên, đối chiếu nội dung Điều 5 của Hợp đồng thì việc thanh toán theo phương thức tín dụng phải tuân theo các điều khoản quy định tại Mục 3 của Phụ lục Hợp đồng. Tại Mục 3 Phụ lục thể hiện: *“Bên A cấp cho Bên B hạn mức tín dụng tối đa là 0 đồng và thời hạn thanh toán 0 ngày; Bên B phải thanh toán tổng giá trị đơn hàng trước ngày giao hàng”*. Như vậy, căn cứ vào nội dung Hợp đồng và Phụ lục kèm theo thì các bên chỉ xác lập phương thức thanh toán là thanh toán trước, giao hàng sau, không ghi nhận việc cấp hạn mức tín dụng và thanh toán trả sau cho bị đơn.

[11] Mặc dù vậy, nguyên đơn cho rằng trên thực tế các bên đã thực hiện theo phương thức giao hàng trước, thanh toán sau theo hạn mức tín dụng. Tuy nhiên, tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án chưa thể hiện việc các bên có thỏa thuận thay đổi phương thức thanh toán từ “thanh toán trước khi giao hàng” sang “giao hàng trước, thanh toán sau” theo điều khoản tín dụng như nguyên đơn trình bày, cũng như không thể hiện có sự trao đổi giữa các bên liên quan đến khoản nợ như nguyên đơn trình bày. Trong khi đó, tại Văn bản số 202408.01/JSC.VTP-PSV ngày 06/8/2024 gửi Tòa án cấp sơ thẩm (bl 731) và Đơn yêu cầu tòa án thu thập tài liệu chứng cứ ngày 03/4/2025 (bl 804), bị đơn có trình bày đã thanh toán vượt số dư công nợ mua bán giữa các bên cũng như không có bất kỳ văn bản xác nhận công nợ nào với nguyên đơn. Vì vậy, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chưa đủ cơ sở xác định phương thức thanh toán mà các bên đã thực hiện trên thực tế.

[12] Như vậy, giữa tài liệu chứng cứ do đương sự giao nộp và lời trình bày của đương sự còn có sự mâu thuẫn chưa đảm bảo đủ cơ sở để giải quyết vụ án. Căn cứ khoản 1 Điều 96 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: *“Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ việc dân sự, đương sự có quyền và nghĩa vụ giao nộp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án. Trường hợp tài liệu, chứng cứ đã được giao nộp chưa bảo đảm đủ cơ sở để giải quyết vụ việc thì Thẩm phán yêu cầu đương sự giao nộp bổ sung tài liệu, chứng cứ. Nếu đương sự không giao nộp hoặc giao nộp không đầy đủ tài liệu, chứng cứ do Tòa án yêu cầu mà không có lý do chính đáng thì Tòa án căn cứ vào tài liệu, chứng cứ mà đương sự đã giao nộp và Tòa án đã thu thập theo quy định tại Điều 97 của Bộ luật này để giải quyết vụ việc dân sự”*. Hồ sơ thể hiện Tòa án cấp sơ thẩm chưa thực hiện yêu cầu nguyên đơn, bị đơn bổ sung tài liệu, chứng cứ theo quy định của khoản 1 Điều 96 Bộ luật Tố tụng dân sự là có thiếu sót.

[13] Việc xác định chính xác phương thức thanh toán giữa các bên là cần thiết, bởi đây là căn cứ quan trọng để xác định nghĩa vụ thanh toán của bị đơn, bao gồm cả việc bị đơn có hay không nghĩa vụ trả lãi do chậm thanh toán theo Hợp đồng, từ đó mới có cơ sở xem xét các yêu cầu liên quan, trong đó có vấn đề áp dụng thời hiệu khởi kiện.

[14] Đồng thời, tại cấp phúc thẩm bị đơn có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt và trình bày trong khoảng thời gian từ ngày 27/8/2019 đến ngày 30/9/2019 bị đơn đã nhiều lần thanh toán cho nguyên đơn với tổng số tiền 6.364.396.104 đồng. Tuy nhiên, nội dung này trước đó chưa được bị đơn trình bày trong quá trình giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm và cũng chưa cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn vắng mặt nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không thể tiến hành đối chất, làm rõ lời trình bày này của bị đơn. Do đó, đây tình tiết mới phát sinh tại giai đoạn phúc thẩm mà tại phiên tòa phúc thẩm không thể thực hiện bổ sung được, nên thuộc trường hợp cần phải hủy bản án sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[15] Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử thấy có cơ sở chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn và chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9, Thành phố Hồ Chí Minh, hủy bản án

sơ thẩm và chuyển hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm để thu thập chứng cứ làm rõ các căn cứ đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu áp dụng thời hiệu của bị đơn.

[16] Về án phí: Do hủy bản án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 3 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 3 Điều 148, Điều 271, Điều 273, Điều 296, khoản 3 Điều 308, khoản 1 Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 18 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của Công ty Cổ phần Điện máy VTP và một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9, Thành phố Hồ Chí Minh:

Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 154/2025/KDTM-ST ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

Chuyển hồ sơ về cho Tòa án nhân dân khu vực 9, Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

2. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Sẽ được xác định khi giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

3. Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Công ty Cổ phần Điện máy VTP được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 2.000.000 (hai triệu) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu BLTU/25E số 0033228 ngày 31/10/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- VKSND Tối cao;
- VKSND TP.HCM;
- TAND khu vực 9, TP.HCM;
- Phòng THADS khu vực 9, TP.HCM;
- THADS TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thanh Nhân

